

TÀN MẠN VỀ TỬ VÀ CHẾT

Ts. Nguyễn Hữu Phước

Câu Chuyện gia đình

N ơi vào đây M nói cái này cho N nghe.

Đợi N chùi xong cái “bờ lát” rồi N vào liền.

Cái bờ lát là cái gì vậy N?

Đó là cái “bu di” của xe hơi đấy mà.

Sao N không nói cái bu di cho dễ hiểu?

M có nhớ câu “nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục” không? Phải dùng đúng tên theo bên này thì đi lại tiệm mua nó mới (may ra) hiểu mình mà bán cho. Nào N xong rồi đó, em muốn nói cái gì đây?

• Về chữ “tử”

M muốn hỏi N về chữ “tử” vì hôm qua, sau khi học lớp Việt ngữ về, thằng con mình có hỏi em “bao tử” “bất tử” với “quân tử” khác nhau như thế nào? M chỉ giải thích về cái bao tử và bất tử thôi. M nói quân tử và các chữ khác có chữ tử, con về hỏi cha con, vì hồi trước cha con đậu Tú Tài Việt, ban văn chương đó.

Nó nói mẹ hỏi cha đi rồi nói lại cho con nghe. Cha đi làm over-time (giờ phụ) nhiều quá, mệt. Về nhà Cha hay nổi quạu với con, con không dám hỏi đâu. Hôm qua con hỏi “hoạn quan” English kêu là gì. Cha cự con, nói con hỏi “bất tử” như vậy làm sao Cha biết được mà trả lời vì Cha có dịp nào học chữ đó đâu.

Đúng rồi M ơi. N có cự nự nó vì mệt cũng có mà vì bực mình cho chính mình cũng có. Hỏi tiếng Việt thì được. Hỏi tiếng Anh làm sao anh biết mà trả lời, vì từ ngày sang đây đi học lóm nghề sửa xe và làm thợ sửa xe cho đến giờ, tía N cũng không biết hoạn quan dịch ra tiếng Anh Lê như thế nào. Nhưng câu em hỏi vừa rồi trúng tử của N, chẳng những giải thích sơ sơ, mà nói luôn 3 giờ cũng được. Nhờ M và con nó hỏi, N mới để ý là dạy tiếng Việt cho con em ở bên này không phải dễ. Cát nghĩa cho M tương đối dễ hơn vì M có chút vốn liếng Hán Việt (HV).

Bất tử là “bất ngờ”, “bất thành linh”. Như lần rồi N đi làm về khuya, trễ quá; khi N mở cửa vào,

M lại đập cho N một cây trên đầu vì M tưởng là ăn trộm. Bị đánh “bất tử” hay bất ngờ như vậy nếu không bị “tử thương” thì cũng bị thương nặng. May mà cái “bat” bằng plastic nên chỉ ê đầu sơ sơ.

Thôi mà, N đừng nhắc vụ đó nữa làm M mắc cỡ “chết mờ” hà.

Đó, cái rắc rối của chữ “tử” trong tiếng Việt là ở chữ “chết” đấy. M nói N mới nhớ. Bất tử còn có nghĩa không chết như trong thành ngữ “trường sanh bất tử.”

Trong tiếng Việt, dân ta dùng nhiều từ HV thét rồi coi như tiếng Việt của ta. Khổ nỗi là trong tiếng Hán (Trung Hoa) nhiều chữ “tử” viết bằng nhiều cách khác nhau. Trong tiếng Việt, lúc đọc những “tiếng” hay “từ” ấy, các nhà Nho lại chỉ dùng có âm “tử” để đọc. Vì vậy, trong tiếng Việt có nhiều từ Hán Việt đồng âm nhưng khác nghĩa, mà từ “tử” là một thí dụ rất rõ ràng. N cũng cần nói thêm, là nhờ vậy, người ta mới cần thầy giáo dạy Việt văn, và nhờ đó anh đã có job phụ bên Việt Nam.

Bây giờ M đang nấu “hủ qua” hầm thịt với cá bóng kho tiêu, nửa giờ nữa mới xong, vậy N nói về chữ tử cho em nghe đi.

Sẵn nói về những từ HV, anh cũng nói luôn là 2 chữ “hủ qua” mà chúng ta quen dùng là do tiếng HV “khổ qua” tức “mướp đắng” mà ra. Thôi trở về với chữ “tử”.

- Tử có nhiều nghĩa

Trong tiếng Việt, chữ tử có nhiều nghĩa. Trước hết “tử” là con như nghĩa-tử hay dưỡng-tử (con nuôi); quý-tử (con cưng); hiếu-tử (con có hiếu thảo với cha mẹ); trưởng-tử (con lớn nhất); tặc-tử là người con ngỗ nghịch, hay người ngỗ nghịch; thái-tử là con vua; phụ-tử tình-thâm (tình cha con thâm sâu đậm).

Kể đến “tử” có nghĩa là thầy, hay người có học, người trí thức. Người ta thường nhắc đến các danh nhân Trung Hoa (TH) như Khổng tử, Lão tử, Mạnh tử, Trang tử v.v. Khổng, Lão, Mạnh, và Trang là tên họ (family name), còn từ “tử” được ghép vào để chỉ bậc thầy, hay người có học như đã nói. Nói khác đi, nếu chúng ta nói “Ông Khổng tử” là đã dùng thừa chữ “Ông” rồi vì chữ “Khổng tử” đã có nghĩa “thầy Khổng”,

hay nhà trí thức họ Khổng. Có người còn viết Khổng Tử (chữ hoa) vì kính trọng, chớ không vì Tử là tên ông Khổng.

Ngoài ra còn có một số nghĩa khác nhưng ít thấy dùng đến trong văn chương, hay là trong văn nói. Chúng ta có:

Tử là sắc đỏ tía, hay sắc tím như Tử Cẩm Thành bên Trung Hoa. Cẩm Thành này bên ngoài tường phía trước sơn màu tím nhạt nên được gọi là Tử Cẩm Thành.

Tử còn có nghĩa là cây thị. Trong văn học xưa chữ tử (cây thị) được dùng để chỉ quê hương như trong truyện Kiều có câu:

“Sân lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.”

Tử còn có nghĩa là gánh vác như trong từ “tử tế” .

Tử còn là quả trứng, hoặc một đơn vị rất nhỏ mà khoa học thường dùng như: nguyên tử (hay hạch nhân), phân tử, một đơn vị rất nhỏ.

Còn từ “quân tử” thì lại rắc rối hơn nhiều, mặc dầu từ “tử” trong quân tử cũng có nghĩa là con. Chắc phải có một bữa mắm “và” rau N mới chịu nói.

Nhưng M biết không, trong các nghĩa của chữ tử, “tử” là “con” và “tử” là “chết” là hai nghĩa thông dụng nhất trong tiếng Việt mặc dầu rất nhiều từ kép có từ “tử” đều là tiếng HV. Khổng tử có dùng một câu trong đó từ “tử” có cả hai nghĩa vừa nói . Đó là “phu tử tòng tử” tức là “chồng chết, phải theo con”. N đó M nói ra nguyên văn câu Hán Việt đó của Khổng tử dùng giáo dục người phụ nữ thời xưa, xa lắc xa lơ.

Để ẹt N ơi. Câu đó là “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử” đúng không? (lúc còn ở nhà thì tùy thuộc người cha, khi có chồng thì phục tòng người chồng, và khi chồng chết thì theo con, hay sống dưới sự che chở của người con (trai)).

Đúng quá cỡ thợ mộc. M nói hay như vậy mà M có “tòng” N không?

Xưa quá rồi N ơi, như N vừa nói. Ở xứ Mỹ này cho N bình quyền với M là may cho N rồi đó. N không nghe người ta nói sao? Hạng nhất là trẻ con, thứ hai là phụ nữ, thứ ba là cây kiềng, và

thứ tư mới đến “nam nhân”. N phải “tòng” M thì M mới nấu cơm cho N ăn . Bây giờ M hỏi N có chịu “tòng” M không?

Thôi N xin đầu hàng và xin “tòng” M . Nhớ gọi N khi cơm xong nghen.

Không được đi đâu hết, phải nói tiếp cho M nghe về chữ “tử” là chết vì nó liên quan đến những gì con N đã hỏi.

M ơi, bộ hết chuyện nói rồi sao lại nói đến một trong 4 cái khổ mà Phật đã nêu ra. Nhưng thôi được, cứ coi là chuyện vui, N tiếp tục cho M nghe vậy. Nhớ là N nói chuyện tiếp tục chớ không phải nói chuyện tục tiếp đầu nhé.

Xí, lại bắt đầu cái tật chơi chữ và nói bậy rồi.

N không nói bậy đâu. M hỏi ngay vào một từ có thể coi là đa dạng nhất trong ngôn ngữ tiếng Việt đấy.

Lịch sử dân ta gắn liền với chiến tranh vì bất đồng ý kiến. Nước ta bị những người cầm đầu chia năm xẻ bảy không biết bao nhiêu lần trong lịch sử. Thời cuối đời Lê, họ Mạc hùng cứ phần cực Bắc, vua Lê cai trị ở Thăng Long, bị Chúa Trịnh kềm kẹp. Chúa Nguyễn hùng cứ miền Thuận Hóa; rồi Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ hùng cứ vùng Qui Nhơn. Họ chia nước Việt thành năm khúc “quánh” nhau loạn xà bì.

Sau khi Gia Long thống nhất toàn cõi được một thời gian, với Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức, thì Pháp lại đến, chia nước ta ra ba vùng đặt dưới ba thể chế khác nhau để cai trị.

Rồi thì cả nước rúng sức đuổi ngoại xâm, và vì ảnh hưởng của quốc tế và sự hiểu biết khác nhau của những người tự xưng là yêu nước, họ lại quánh nhau loạn xà bì và đất nước lại bị chia đôi, nối tiếp theo là cuộc chiến quốc gia và cộng sản do quốc tế giật dây. Trong mỗi lần tranh chấp, có vô số binh lính bị “tử trận” tức là chết trong trận chiến, chết ngoài chiến trường.

Sao anh dài dòng quá vậy?

Dài dòng để chứng minh rằng có vô số cách chết liên quan đến chữ tử.

- Những chữ đi đôi với tử (chết)

Nếu bị thương mà chưa chết, chớ về nhà thương, hay về trạm cấp cứu rồi mới chết thì gọi là “tử thương”.

Để gọi là an ủi và để vinh danh người chiến sĩ, người ta dùng những từ ngữ rất văn hoa để chỉ sự tử trận. Ngày xưa thì có: “da ngựa bọc thân”, “bỏ mạng nơi sa trường” sau này có “hy sinh vì chánh nghĩa”, “hy sinh cho đảng”, “hy sinh vì tổ quốc”, “quan tài được phủ lá quốc kỳ”, “đền nợ nước”. Hoặc nói theo HK là “Anh ta đã trả cái giá cao quý nhất” cho nước nhà (he pays the ultimate price for his country).

Nghe hay lắm, nghe cảm động lắm, nghe bồi hồi lắm, nghe an ủi lắm. Đồng ý là gia đình của những quân nhân và quân chúng cần nghe những từ ngữ văn hoa đầy sự mang ơn đó trong những lúc buồn bực nhất của những người thân. Nhưng tựu trung các từ ngữ ấy đều diễn tả một điều thật đơn sơ, do một chữ thật bình dân: “chết”.

Liên quan đến từ “tử” là “chết” chúng ta có vô số tiếng ghép. Anh kể sơ sơ.

“**Tử thủ**” là nhứt định giữ nơi được giao phó cho đến chết. Nếu liệu giữ không xong và muốn được lưu danh, thì đành “**tự tử**” hơn là đầu hàng địch để bị đi tù. Tử chiến là đánh cho đến chết, không chịu thua. “**Tử địa**” vùng đất chết chóc, vào rồi khó trở ra toàn mạng. “Tự tử” là tự mình giết mình chết. “Tự trầm” là tự tử bằng cách làm cho mình chìm xuống dưới nước.

Tiểu thuyết có tả nhiều đôi trai gái vì chuyện tình duyên trắc trở đã “tự tử” bằng cách này hay cách khác, nhưng vì không đúng cách nên vẫn được cứu sống khi có người phát giác. “**Tử thần**” hay thần chết thường lảng vãng ở nhưng nơi có nhiều “**tử khí**” hay không khí chết chóc.

Có nhiều cách “tử” quá hử N. Nói riết M bắt đầu sợ luôn. Trong gia đình mình, để coi nào. Bên M có một người cậu và một người dượng. Cậu thì được phủ cờ 3 sọc đỏ còn dượng thì được đảng tuyên công. Anh hai Ngưu thì suýt nữa đã bị “tử thương” giờ này còn đó nhưng phải ngồi xe lăn. Còn bên N thì sao? À, M nhớ có lần N nói rồi. N chỉ có một đứa cháu chết “mất thân” trong trận đánh ở “Ba Biên Giới” còn các anh em khác chỉ bị thương, nhưng không tàn phế quá đáng như Anh Hai Ngưu.

Thức ăn đã sẵn sàng rồi, chúng ta vừa ăn vừa nói chuyện khác nghen N. O.K. Honey?

• Về chữ chết

- Những chữ đồng nghĩa với chữ “chết”

M biết không, N ngựa miệng rồi, phải để N nói tiếp cho vui.

N cứ kể tiếp nếu N thích, em không sợ đâu. Nếu em sợ chết em đâu có đồng ý với anh để mua sẵn hai miếng đất “phần mộ” cho tụi mình để khi sống ở bên nhau thì khi chết cũng được nằm chung cho ấm. Nhưng nói thiệt anh đừng buồn, M muốn nằm gần mộ N vì em... sợ ma trong nghĩa địa lắm, chứ không phải vì thương N mà muốn nằm gần đâu.

O. K. Theo khoa học, sự chết xảy ra khi có hai điều kiện: tim ngừng đập, và phổi ngưng hoạt động. Trong tiếng Việt, người ta nhắc đến hơi thở nhiều hơn khi diễn tả cái chết. Nào là “**tắt thở**”, “**trút hơi thở cuối cùng**”, “**tắt nghỉ**” “**tắt hơi**”.

Ngoài ra rất nhiều từ, cụm từ hay từ ngữ khác được dùng tùy miền, tùy hoàn cảnh, tùy tôn giáo, tùy cách chết.

Người ta còn dùng nhiều từ khác để nói về cái chết như: **mãn phần; về bên kia thế giới; cõi hạt qui tiên; về miền tiên cảnh; đi rồi; theo ông theo bà rồi; về dưới suối vàng; khuất núi; về với cát bụi; hồn lìa khỏi xác; mồ chưa xanh cỏ (mới chôn chưa được bao lâu); mồ đã xanh cỏ (chôn được khá lâu, cỏ đã mọc xanh rồi).**

Tiếng Việt mình giàu chữ chết quá há N. Còn chữ nào nữa không N?

Còn dài dài, còn nhiều lắm. N đã nói nhiều lần rồi, tiếng Việt đa dạng và phong phú lắm.

N kể tiếp cho M nghe: Những người theo Phật giáo hay chịu ảnh hưởng Phật giáo dùng các từ như: **về cõi Phật, về miền Tây Trúc, nhập niết bàn, chấm dứt nghiệp trần, hoa khai kiến Phật,** hoặc:

“Nhẹ bước ngạo du nơi cửa Phật,
Hồn siêu phách tán chốn bồng lai”.

Đặc biệt, khi một nhà sư chết người ta dùng từ “**tịch**” hay “**viên tịch**”.

Những người theo Thiên Chúa giáo dùng cụm từ : “**về với Chúa**” hay “**được Chúa gọi về**” hoặc “**về nước thiên đàng**”.

Dưới chế độ quân chủ người ta dùng từ ngữ “**về châu tiên đế**” hoặc “**băng hà**” để chỉ cái chết của các quân vương.

Như vậy “băng hà” hay “viên tịch” không dùng được cho cái chết của người thường hả N?

Đúng vậy. Dùng trật chỗ nghe không thuận tai và dễ lòi cái đuôi dốt Việt văn của mình ra.

Còn nữa không N?

Còn chớ. N nói chữ chết đa dạng hạng nhất mà. Ba từ phổ thông nhất trong các cáo phó, hay phân ưu trên các báo Việt ngữ hiện tại là: **tử trần, tạ thế, và thất lộc**.

Hiện tượng đăng cáo phó, phân ưu (hay chia buồn) trên các báo là một hiện tượng khá độc đáo của dân ta. Về phương diện thông báo thì đây là một cách thức hữu hiệu nhất. Nhưng trên bình diện của sự hãnh diện về gia đình, cáo phó với tất cả chức tước, huân chương của người đã ra đi, cũng như văn bằng, chức tước của những thân tộc được ghi rõ, là một hiện tượng đặc biệt.

N không phê bình về sự đúng sai vì đây thuộc phạm vi đệ tứ quyền của dân Hoa Kỳ, ai muốn viết gì “tùy hĩ”. Cứ đọc một số cáo phó hay phân ưu thuộc loại đặc biệt này, người ta có thể suy diễn ra tâm giao thiệp, và bề thế của gia đình người chết ra sao. Đôi khi trên các tờ chia buồn này, người ta cũng kê rõ về một phần lý lịch của những người có tên trên đó, kể cả những chức tước đã làm, hay những văn bằng, hay kỳ công đã đạt được trong dĩ vãng.

N nói M mới để ý một chuyện khác liên hệ: các báo chắc thu được nhiều tiền cáo phó phân ưu vì ngày nào M đọc báo Người Việt, M cũng thấy có nhiều trang lắm.

M nói làm N nhớ đến một câu mà N nghe được trong một buổi tiệc khi thiên hạ nói về vụ cáo phó phân ưu. Câu nói như sau: “người Việt còn chết là người Việt (*) còn sống, người Việt mà hết chết chắc người Việt (*) mất hoa lợi nhiều lắm, nhưng người Việt làm sao không chết, thế hệ một đang chết dài dài nên người Việt (*) còn thân tiền cáo phó, phân ưu dài dài.”

Lẽ dĩ nhiên viết rõ như vậy thì ai cũng biết “Người Việt” (có dấu *) là tên báo. Nhưng khi thoạt nghe thì có cảm tưởng là người nói câu

ấy đang phát ra một câu hỏi “mát mát” (không bình thường, có vẻ bị bệnh tâm thần) vì “người Việt còn chết là người Việt còn sống” ... nghe thật vô nghĩa, nếu không biết có một tờ báo tên “Người Việt”. Đây chỉ là câu đùa “chơi chữ” thôi, chữ Người Việt sống trên vô số các quảng cáo khác chữ không phải chỉ có cáo phó và phân ưu.

Chỉ thấy chuyện rõ ràng là hiện tại 2003, đã có nhiều bản phân ưu, cáo phó chiếm trọn nguyên trang báo (hàng ngày) với đầy đủ tên họ, chức tước, nơi cư ngụ của các bạn bè, (tên thành phố, tỉnh, hay tên quốc gia) hoặc của tất cả bà con thân thuộc trên ... khắp thế giới. Dân Việt ta sao có nhiều bà con bạn bè quá xá.

Thôi bỏ chuyện chết, nói chuyện khác đi N ơi.

Chưa được, còn dài dài. Cho N nói cho hết đề khoe cái tài học tiếng Việt của N. M biết không, dân đầu đường xó chợ những kẻ homeless (không nhà) thì nói “**coroner office đã lượm xác rồi**”, hoặc nói xác đã được đưa về coroner office (phòng khám nghiệm tử thi) để được khám nghiệm.

Dân Việt, hạng bình dân các ké hay dùng cụm từ “**ngũm cù đèo**” để chỉ sự “**ra đi**”. Dân Lục Tỉnh, nhứt là những người lai Tàu thì dùng ngay tiếng Tàu được Việt hóa và rất phổ thông là cụm từ “**hui nhị tỳ**” (tiếng Quảng Đông) tức là “đi nghĩa địa” để chỉ là ông đó, bà đó hay thằng đó, con đó đã “chết cha dòi”. Họ cũng nói “**xây**” rồi, tức là “chết” rồi. Đồng nghĩa với nhóm chữ trên, dân ta còn xài chữ “**xí lất léo**” (tiếng Tiều Châu là “xí-í léo” có nghĩa là “tử”); VN ta mượn dùng và thêm chữ lất vào giữa thay cho chữ “í”)

Cha, hôm nay M mới biết là N biết tiếng Tàu nữa. Chắc như vậy là hết rồi phải không N?

Chưa, còn dài dài.

N xạo chớ còn gì nữa.

Còn chớ. N chắc chắn M biết chữ này, tại M không nhớ ra đó thôi. Đó là từ “**đi mua muối**” hoặc “**đi bán muối**”.

Thời Pháp thuộc, trong thập niên 1950 có từ ngữ “đi mua muối”. Lúc đó việc mua bán muối thuộc độc quyền của chánh phủ Đông Dương. Ai đi mua bán muối lậu, không có “permit” hay

“license” (giấy phép) có thể bị ở tù rớt xương hoặc bỏ xác trong tù. Từ ngữ “đi mua muối” (hoặc bán muối) phát xuất từ đó.

N biết chắc chắn là còn nhiều từ ngữ nữa để diễn tả cái chết, như về châu Diêm vương hoặc “**đi mò tôm**” như M có lần nói đến v.v. nhưng hiện đang ăn “hủ quả” hầm và cá bóng kho tiêu ngon quá nên không nhớ ra những từ khác.

Như vậy là chuyện về chết hết rồi phải không N?

Chưa, còn dài dài M ơi.

- **Chữ chết dùng trực tiếp**

Nãy giờ N chỉ nói về những từ đồng nghĩa với từ chết. Bây giờ N trực tiếp nói sang cái chữ ai cũng hiểu là chữ “chết” để thấy thêm cái đa dạng của tiếng Việt.

Trước hết, **vì có nhiều cách chết, nên chúng ta có nhiều cụm từ có từ chết trong đó.** N chỉ kể sơ ra một số làm thí dụ thôi: **Chết bờ chết bụi, chết bệnh; chết ngoài trận (tử trận), chết như rạ, chết bỏ thân, chết không ai chôn; chết bắn, chết chém hay chết bằng hơi ngạt (bị xử tử); chết vì tai nạn xe, chết chìm (chết đắm, chết đuối); chết êm, chết đau đớn, chết giận, chết già, chết sớm, chết non (chết yểu); chết queo, chết thiêu, chết tức tưởi, chết treo.**

Để anh nhớ coi còn gì nữa. À còn nhiều: **Chết chẳng toàn thân, chết bất tử, chết bất đắc kỳ tử (chết một cách bất ngờ, nhanh chóng); chết vinh, chết nhục; chết oan chết ức chết tức chết tối chết không kịp trời (chết một cách quá bất ngờ và không ai nghĩ đến rằng người đó sẽ chết như vậy); chết không nhắm mắt, chết nhăn răng, chết... “mệt nghỉ” v.v. À không có cụm từ vừa nói, N xạo đấy.**

Kể đến, **có rất nhiều cụm từ trong đó có từ chết đi chung nhưng không có nghĩa là chết thật.**

Thuộc loại thứ hai này trước hết **đề tỏ sự ngạc nhiên** về một chuyện gì, chúng ta có: “Chết !” (thí dụ “chết !, trời mưa rồi, đem quần áo vào mau lên); chết cha rồi, chết mẹ rồi: (chết cha rồi, tôi quên tắt lò trước khi đi); chết một cửa tử (trường hợp có vẻ nguy ngập), chết bà, chết

điếng, chết đứng (trường hợp khó không biết xoay sở ra sao).

Ngoài ra người ta còn **dùng chữ chết để than van về một chuyện gì**: Chết mồ (nó đập nhằm chân tôi đau chết mồ), chết mồ tổ (nặng hơn chết mồ), mệt chết đi thôi, sưng chết đi thôi.

Dùng chữ chết để mắng chửi, hăm he thì có: chết bầm, chết dịch, chết toi, chết cha, chết mẹ, chết tổ, chết ông bà ông vải, chết đầu chết quách cho rồi.

Ngoài ra còn có những từ thông dụng khác như: **chết hụt, chết lần chết mòn, “chết đắm – chết đuối** (nghĩa bóng) hay **chết mê - chết mệt**” (mê thích một chuyện gì quá lắm). Ca dao có câu:

Chim khôn chết mệt vì mồi

Người khôn chết mệt vì lời nhỏ to.

Còn N, N chết mê chết mệt vì tài nấu ăn của M, và vì, và vì cái duyên của em và...

Lại bắt đầu nịnh đầm đi.

M đi guốc trong bụng N rồi, thôi N không nịnh M nữa, M biết N chết mê, chết mệt M vì cái tài ...N sẽ nói thêm về những chuyện “vui” liên quan đến cái chết, nếu em tiếp tục “tòng” anh và cho N ăn ngon như hôm nay.

- **Những định nghĩa “tiểu lâm” của chữ chết.**

N nói “một” chuyện vui thôi được không?

O. K. một chuyện thôi ghen.

N sẽ đọc cho M nghe những định nghĩa rất “tiểu lâm” của những từ đôi trong đó có từ “tử”. Dạy các em VN học những định nghĩa theo bài dưới đây thì có nước “tự tử”. (Nhưng nếu thầy giáo nào mà dạy cho các em biết đúng nghĩa của tất cả những từ có liên quan đến từ “tử” trong một buổi, có thể vinh danh là “thầy Việt văn giỏi nhất trong năm”). Những định nghĩa tiểu lâm này N “học” được qua sách “Đất Anh Em” của ông Trà Lũ (Nxb Hoa Lư, 2003, Canada). Ông có ghi rõ là Ông chép lại bài này của tác giả tên Tường Vi, trong nguyệt san Mekong bên Nhật. Bài tiểu lâm như sau:

“Bị con chí con rận cắn mà chết gọi là chí tử
Bị điện giật mà chết gọi là điện tử
Bị té ngựa mà chết thì gọi là mã tử
Đang thái thịt mà chết, gọi là thái tử

Chết vì bệnh cảm cúm thì gọi là cảm tử
 Chết vì yêu thì gọi là ái tử
 Chết vì tò mò thì gọi là thám tử
 Chết sau khi thi hành xong công vụ thì gọi là công tử
 Bị đập đầu vào cửa mà chết gọi là cửa tử
 Chết lãng xẹt gọi là lãng tử
 Chết mà thân thể còn nguyên vẹn gọi là nguyên tử
 Chết mà thân thể không còn nguyên vẹn gọi là phân tử
 Chết từ từ từng phần gọi là phần tử
 Chết trong rừng gọi là lâm tử
 Chết để bảo vệ Phật pháp gọi là Phật tử
 Người không lồ mà chết gọi là khổng tử
 Người đang mạnh khỏe mà chết gọi là mạnh tử
 Già lão mà chết gọi là lão tử
 Nô đùa nghịch ngợm mà chết gọi là nghịch tử
 Cha chết gọi là phụ tử
 Mẹ chết gọi là mẫu tử
 Em trai chết là đệ tử
 Con trai chết là nam tử
 Con gái chết là nữ tử
 Sự phụ chết là sự tử
 Quân lính chết gọi là quân tử
 Người hoàng tộc chết gọi là hoàng tử
 Người quý phái chết gọi là quý tử
 Người chết lạnh vì mặc thiếu áo ấm gọi là hàn mạt tử”

Lẽ dĩ nhiên N còn nghe nhiều định nghĩa khác thuộc loại đó. Nhưng bài trên đã có thể gọi là đủ để cười vui rồi. Bây giờ M có còn muốn N dạy Việt ngữ nữa không?

Còn chuyện nào vui nữa không N?

Bữa khác đi M nhé. Hôm nào vui miệng và được thức ăn ngon, N sẽ kể tiếp, nhất là những gì liên quan đến cái gọi là “pháp lý” bên xứ này. N còn phải ra sửa xe tiếp, chiều còn đưa M đi chợ . O. K.?

O. K. nhưng “quân tử nhưt ngôn” nhé ? Em nói vậy vì N thấy M hay quên, nên hay nói xạo để chạy. À nhớ cất nghĩa cho con mình về quân tử nghen N.

- **Một chút suy tư về tuổi già**

- Đề tài muôn thuở

Sự sống cũng như sự chết là nguồn vô tận của văn chương, triết lý, tôn giáo, pháp lý và cãi lý

hay “lý sự cùng” của những người hay tán gẫu. Nói hoài không hết chuyện.

Estate planning (kế hoạch về phân chia tài sản sau khi chết) là một việc làm liên quan đến pháp lý mà những gia đình nào có chút ít của cải đều phải dành nộp tiền cho luật sư để được sống an tâm và chết bình thân vì đã lo tròn cho con cái khỏi bị khổ cực và mất mát trong việc thừa hưởng gia sản, nhất là tiền luật sư và tiền tòa cao lắm và đau lắm cho con cháu.

Và còn nhiều việc mới thấy tưởng không ra chi nhưng rất quan trọng và liên hệ đến người sống, khi có người nhà “chết”.

Đó là những việc liên hệ đến “chung sự vụ” hay “hậu sự”. Đây là những hiểu biết cần thiết và quan trọng cho cả người “sắp chết” và người sống nhưng ít ai chịu nói đến hay bàn đến.

Đây là một nghịch lý về tâm lý, nhưng là một sự thật ít ai chịu nhìn thẳng vào vấn đề, vào “sự thật” vì... đủ thứ lý do mà một trong những lý do là vì không ai biết được ai là “người sắp chết”, hay chừng nào mình hết thở và tìm ngừng đập.

Hôm qua, July 28, 03, nghe tin Bob Hope vừa từ già cõi trần sau khi ăn sinh nhật 100 tuổi gần được 2 tháng (sinh nhật Ông ta vào May 29). Biết bao nhiêu người tỏ lòng thương tiếc, kính mến. Người tốt chết, người xấu chết, Tổng Thống một nước dân chủ chết. Chủ tịch một nước độc tài cũng chết. Chẳng có gì lạ. Có khác chẳng là cái di sản tinh thần và vật chất mà họ để lại cho con cháu, cho thế hệ sắp tới.

- Triết lý vụn về “tử và chết” qua câu chuyện N, M bên trên

Câu chuyện N, M tôi ghi nhận bên trên không phải là một chuyện vui về chữ và nghĩa thôi. Nó còn là một câu chuyện có nhiều ý nghĩa. Chắc là hầu hết độc giả không lạ gì lắm với các từ “tử” và “chết”. Nhưng tôi thấm thía lắm khi thấy hai vợ chồng này không có “chối” nhau chan chát như một số các cặp vợ chồng khác mà tôi có dịp gặp gỡ.

Một điều ai cũng biết, nhưng ít ai để ý là:

Thời giờ như thể tên bay
 Năm, năm, tháng, tháng, ngày, ngày thoáng qua
 Ai ơi nên phải nghĩ xa

Dầu vàng ngàn lượng khó mà chuộc mua.

Sự thực chúng ta không có làm gì được với sự tiếp tục trôi đi một cách “phũ phàng” của thời gian. Nhưng chúng ta có thể sử dụng được thời gian một cách hữu hiệu hơn. Mỗi người mỗi hoàn cảnh. Tôi chỉ dám nói lên đây khía cạnh thời gian cho những cặp “vợ chồng già”. Mỗi phút bên nhau quý giá lắm. Họ có nghĩ tới rằng cuộc sống của họ là những “thí dụ sống”, những “gương” cho những con cháu đang lớn, đang đi tới cuộc sống lứa đôi. Họ cần biết sống một cuộc đời hôn nhân êm ấm, thuận hòa mặc dầu cuộc đời có nhiều chông gai, mâu thuẫn .

- Triết lý giáo dục gia đình

Một cách triết lý hơn, thử đặt vấn đề như sau:

Có khi nào, chúng ta, những người của thế hệ một (thế hệ đi định cư ở hải ngoại vào lúc đã trưởng thành) ”cùng với thế hệ 1.5 (sinh ở VN và sống ở VN cho đến tuổi vị thành niên rồi mới di cư ra hải ngoại) nghĩ đến một “triết lý giáo dục gia đình” cho thế hệ 2 (những trẻ em định cư ở hải ngoại lúc còn dưới 10 tuổi, hoặc sinh ở hải ngoại) hay không?. Thực sự là có, mặc dầu không ai nhắc đến hai chữ “triết lý”. Gia đình nào cũng có những ước vọng là con (chúng) tôi thành....., con (chúng) tôi lớn lên phải trở nên người ... v.v...

Ở đây, tôi muốn nói đến một số “ước vọng chung” của “đa số” các gia đình VN ở hải ngoại. Cái ước vọng chung đó tôi gọi là triết lý giáo dục gia đình cho người VN hải ngoại nói riêng và của gia đình VN nói chung ở bất cứ nơi nào. Nếu vạch rõ được cái triết lý giáo dục gia đình này, thì chúng ta đã vạch rõ được một đường hướng đi tới cho các thế hệ hai, ba.. và nói khác đi cho các thế hệ tương lai của giới trẻ VN, mà cha mẹ là nguồn gốc căn bản của nền giáo dục đó.

Nói một cách khác: Ông, Bà muốn, mong ước con hoặc cháu của Ông Bà thành những người như thế nào về phương diện học vấn, đạo đức, cách sống với người khác, với bà con, với người cùng quốc tịch, và với đồng bào?

Ông Bà muốn cho con cháu làm gì để giúp cho nơi mình đang cư trú được phồn thịnh hơn vì nó là công dân của nơi đó (trung thành với quốc gia mà nó mang quốc tịch).

Và ước muốn chúng nó làm gì cho nước Việt, dân Việt (nguồn gốc của tổ tiên nó, cha mẹ nó và của chính chúng nó) khỏi cảnh độc tài, nghèo khổ, bất công.

Có một ước muốn rõ ràng và với một lối giáo dục có tính cách dân tộc, nhân bản và khai phóng (hiểu theo nghĩa rộng rãi của một thể giới hợp tác trong mọi mặt, kể cả phương diện tôn trọng nhân quyền, tôn trọng văn hóa khác biệt, và sự áp dụng tối đa những phương tiện khoa học để phục vụ, nâng cao đời sống của con người) **chúng ta mới hy vọng truyền lại cho con cháu chúng ta một phần của những ước vọng đó.**

- Giáo dục hôn nhân cho các cặp vợ chồng già?

Vấn đề thứ hai cần đặt ra là: thế nào là cuộc sống hạnh phúc lứa đôi cho các cặp vợ chồng già? Những người trên 55 tuổi hay trên 60 (dùng con số này một cách máy móc) được liệt vào hạng “lão nhân” hay “kỳ lão” (senior citizen). Người ta chỉ nói đến giáo dục hôn nhân cho những người sắp cưới nhau hay những người còn trẻ. Người ta lại quên rằng đời sống hôn nhân này kéo dài, dài lắm, cho đến khi nó tan rã vì chia cách do hoàn cảnh, ly thân, ly dị, hay vì một trong hai người vĩnh viễn ra đi.

Đa số những cặp vợ chồng già là những người không được huấn luyện chánh thức về đời sống hôn nhân, đời sống lứa đôi. Họ là những người đang trên đường từ già cõi trần, hay sắp chết, hay sẽ chết theo luật thiên nhiên (sống đúng 100 tuổi như những lời chúc thọ là chuyện hiếm có.) Đó là một sự thật mà chúng ta phải nhìn vào một cách có tổ chức, có học hỏi.

Làm sao có một đời sống yên ấm, hạnh phúc, đầy tình yêu thương của con cháu, và đầy sự yêu thương lẫn nhau trong cảnh tuổi già này? Xin đọc câu thơ sau đây để thấy cái cảnh đầm ấm, quý mến nhau của một cặp “vợ chồng già” (thơ: Đoàn Minh Hóa, Tạp Chí Đi Tới, tháng 5 & 6, 2003)

Đèn khuya nửa ngọn soi trong sách
Nửa soi xoay trở mũi kim đan
Tình đậm như hương trà trong tách
Ủ đời nhau ấm giấc muộn màng

Bà đan áo cho chồng cho con, và cho cháu ngoại. Ông ngồi nhìn và làm thơ (trong lúc Ông đang edit các bài để đăng báo, tôi đoán mò như vậy). Đằm ám quá. Nên thơ quá. Nhà thơ Đoàn Minh Hóa viết tiếp:

Tuyết ngập đất bước đi chẳng ngại
Nổi cuộn len dài nửa địa cầu
Thành áo ấm chờ che cháu ngoại
Bên đèn khuya tóc vội thay màu.

Thực tế là tóc không “vội thay màu” đâu. Nhưng chắc là tác giả (tôi lại đoán mò lần nữa) nhận thức rằng dòng thời gian trôi nhanh lắm nhanh đến nỗi, chợt nhận ra là tóc “vội thay màu”.

Tôi trích thơ ĐMH không phải để nói lên sự diễn tả nhẹ nhàng với đầy nồng ấm trong thơ mà thôi, mà còn muốn nói rằng đây là một điểm mà các cặp “vợ chồng già” cần chú ý. Những phút bên nhau trong lứa tuổi này là những phút đầy quý giá, những phút khó tìm.

Chúng ta, những “cặp vợ chồng già” là những người đang sống trong tình trạng của “một cuộc chia ly chậm chạp (hay nhanh chóng?) vì thực tế chúng ta là những người đang bước đi, từng bước một nhưng chắc chắn, về cõi “bên kia thế giới”.

Hãy để lại cho con cháu những hình ảnh đẹp của cuộc sống lứa đôi, những gương mẫu hay về đời sống đạo đức, những thí dụ điển hình của cuộc sống có một lý tưởng, dám dấn thân cho lý tưởng và biết “khai phóng” để luôn đi tới chỗ hay hơn. Đó là những điều cần làm để cho những thế hệ đang đi tới, sắp đi tới có một đường hướng, một triết lý về cuộc sống tương lai đầy ý nghĩa.

Tôi chỉ muốn viết ra những ý kiến bên trên để tìm hiểu thêm và tự khuyên nhủ và giáo dục chính vợ chồng chúng tôi về cuộc sống lứa đôi. Và tôi viết ra như một đề tài cần suy gẫm, để xin các “cặp vợ chồng già” góp ý kiến để chúng tôi và chúng ta có thể học thêm coi làm sao sống những giây phút còn lại của cuộc đời một cách có ý nghĩa bên nhau “từng phút và từng giây”.

(Ông hay Bà hãy tự hỏi xem, trong ngay qua, trong tuần qua, Ông, Bà đã bắt đồng ý kiến với nhau mấy lần về những chuyện con con chẳng ra chi ? Ông Bà giải quyết những xung đột hay bất đồng ý kiến bằng cách nào? Hay trong ngày qua, tuần qua, Ông Bà đã có những giờ phút thật yên ấm, đáng nhớ, và cần chia sẻ cho các bạn già chúng ta cùng học hỏi kinh nghiệm.)

Tài Liệu tham khảo

- Đào Duy Anh (1957). Hán Việt Từ Điển. Trường Thi, Saigon, VN.
- Đoàn Minh Hóa (2003). Tạp Chí Đi Tới, tháng 5 & 6 Montreal, Canada.
- Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ (????). Việt Nam Tự Điển. Trí, Sài Gòn, VN.
- Nguyễn Hữu Phước (2002) “Dân tộc, Nhân bản và Khai phóng”, Tạp Chí Đi Tới, số tháng 9. Montreal Canada.
- Trà Lũ (2003). Đất Anh Em. Hoa Lư, Toronto, Canada